

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 4 năm 2016

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

I. LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY

1. Thông tin chung:

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5700289499
- Vốn điều lệ: 160.000.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi tỷ đồng chẵn).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 160.000.000.000 đồng.
- Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh.
- Số điện thoại: 033.3862229.
- Số fax: 033.3860641.
- Website: Taynamdamai.com.vn.

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin (“Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp than Cẩm Phả thuộc Công ty Than Quảng Ninh. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 055975 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 25/09/1999, Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 số 5700289499 ngày 13/10/2014.

Công ty được chuyển đổi thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 42/1999/QĐ-BCN ngày 16/7/1999 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Khi chính thức chuyển thành Công ty cổ phần, Công ty hoạt động với mức vốn điều lệ là 6.531.837.535 đồng, hiện nay, vốn điều lệ của Công ty đã được nâng lên là 160 tỷ đồng.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Khai thác và chế biến, kinh doanh than. Cung ứng xuất nhập khẩu hàng hóa vật tư phục vụ khai thác mỏ, sửa chữa máy móc thiết bị.

- Địa bàn hoạt động kinh doanh chính: Trụ sở văn phòng Công ty đặt tại phường Cẩm Sơn thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Khai trường sản xuất: Mỏ Tây Nam Đá Mài và Khe Chàm II tại phường Cẩm Tây thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

4. Định hướng phát triển.

Năm 2016 và các năm tiếp theo Công ty vẫn tập trung vào ngành nghề kinh doanh truyền thống là khai thác than các loại, tiếp tục mở rộng diện khai thác theo kế hoạch xây dựng giai đoạn 2015-2020. Quản lý chặt chẽ nguồn tài nguyên hiện có, quản lý khối lượng mỏ, các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ, tăng cường chế biến sâu đất đá lẫn than, tận thu tài nguyên, nâng cao hệ số thu hồi than đảm bảo về số lượng và chất lượng phục vụ tiêu thụ theo nhu cầu thị trường. Đảm bảo hiệu quả SXKD, việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động trong Công ty.

Tiếp tục đầu tư đổi mới công nghệ hiện đại, từng bước đồng bộ hóa dây truyền công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao hiệu quả SXKD, tiết kiệm chi phí.

Sắp xếp thay đổi cơ cấu tổ chức, nhân sự gọn nhẹ, có năng lực và hiệu quả cao. Thực hiện công tác đào tạo lại cho CB-CNV, đặc biệt trong lĩnh vực khai thác mỏ, kỹ năng quản lý,...

Tổ chức trồng cây, xử lý chất thải nguy hại, thường xuyên quan trắc môi trường và thực hiện nghiêm các quy định của Pháp luật về công tác môi trường.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG.

Quá trình tổ chức sản xuất năm 2015 của Công ty có nhiều thuận lợi nhưng cũng có không ít khó khăn.

* Thuận lợi:

- Năm 2015 nền kinh tế trong nước tiếp tục duy trì ổn định và tăng trưởng so với những năm trước, tạo bước phát triển ổn định cho các ngành công nghiệp sản xuất.

* Khó khăn:

+ Thời tiết trong năm có nhiều diễn biến bất thường, đặc biệt là đợt mưa lũ lịch sử trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh (Từ ngày 26/7 đến ngày 05/8/2015) đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động SXKD và gây nhiều thiệt hại đối với TKV nói chung và Công ty nói riêng.

+ Giá bán than tiếp tục giảm do nguồn cung tăng, cạnh tranh với than của các doanh nghiệp ngoài TKV, than nhập khẩu, ảnh hưởng của giá dầu giảm sâu và các nguồn năng lượng khác thay thế.

+ Than xuất khẩu giảm nên TKV điều chỉnh giảm sản lượng KH than khai thác của các đơn vị thành viên trong TKV.

+ Những sai phạm trong công tác quản lý của Công ty giai đoạn 2009 -2010 bị cơ quan điều tra khởi tố đã ảnh hưởng không nhỏ đến tinh thần của CB-CNV.

Đứng trước khó khăn và thử thách trên, được sự quan tâm của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, dưới sự chỉ đạo của BCH Đảng bộ, sự điều hành, quản lý của HĐQT, Ban Giám đốc cùng với sự đồng thuận của các tổ chức đoàn thể đã tuyên truyền đến người lao động trong toàn Công ty hiểu, chia sẻ và đồng hành cùng Công ty từng bước vượt qua khó khăn thách thức để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2015, kết quả đạt được như sau:

T T	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2014	KẾ HOẠCH NĂM 2015	KẾ HOẠCH ĐC NĂM 2015	THỰC HIỆN NĂM 2015	% SO NĂM 2014	% SO KH ĐC NĂM 2015
1	Đất đá bóc xúc	1 000 m ³	17.206	27.000	22.060	22.651,7	131,7	102,7
2	Than NK sản xuất	1000 tấn	1.115	1.800	1.300	1.361,6	122,2	104,7
3	Than tiêu thụ	1000 tấn	1.440	1.882	1.327	1.587,0	110,2	119,6
4	Doanh thu tổng số	Tr.đ	2.252.962	2.632.633	1.730.487	2.537.456	112,6	146,6
*	<i>Doanh thu than</i>	<i>Tr.đ</i>	<i>2.131.326</i>	<i>2.632.633</i>	<i>1.730.487</i>	<i>2.441.188</i>	<i>115,1</i>	<i>141,1</i>
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	30.192	23.217	16.768	-37.760		
6	Lao động	Người	1.161	1.491	1.491	1.395	120,3	93,6
7	Thu nhập	đ/ng/tháng	6.357.000	6.886.000	6.886.000	6.363.000	100,1	92,4

- Qua kết quả SXKD năm 2015, các chỉ tiêu bóc xúc đất đá, than nguyên khai khai thác, than tiêu thụ, doanh thu Công ty thực hiện đều đạt và vượt so với kế hoạch điều chỉnh nhưng lợi nhuận thực hiện không đạt do một số nguyên nhân sau:

+ Do ảnh hưởng đợt mưa lũ lịch sử trên địa bàn Tỉnh Quảng Ninh (Từ ngày 26/7 đến ngày 05/8) gây thiệt hại tài sản và ảnh hưởng nhiều đến kết quả SXKD của Công ty.

+ Khai trường sản xuất của Công ty chưa mở rộng được nên đường vận tải hẹp, mặt khác đoạn đường từ ngã 6 ra bãi thải (Khoảng 2,6km) chỉ có một tuyến chính mật độ xe đông (Mỗi ca xe Công ty khoảng 80 xe; Xe các B khoảng 100 xe) nên tốc độ vận chuyển thấp, năng suất thiết bị thấp, tiêu hao nguyên, nhiên vật liệu cao.

+ Chi phí sản xuất chính cao:

. Điều kiện làm việc khó khăn : Đường hẹp, nhiều thời điểm độ dốc cục bộ cao, thiếu máy gạt, tốc độ vận tải thấp nên chi phí lốp, nhiên liệu tiêu hao cao.

. Các xe 325 chuyển sang cuối loại C, các xe 465, CAT 773E đầu tư những năm trước đều chuyển sang loại C nên chi phí sửa chữa cao, giá thành vận tải cao.

+ TKV thu 51,17 tỷ đồng qua giá bán than năm 2015 do sai phạm của Công ty trong giai đoạn 2009 -2010.

- Công tác Đầu tư tài sản, máy móc thiết bị: Tại Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản là: 1.124.226 triệu đồng. Do thực hiện bóc đất XDCB phức tạp về quy trình và thủ tục nên Công ty đã chủ động không thực hiện bóc đất XDCB (1,5 triệu m³ với giá trị 96 tỷ đồng), vì vậy Hội đồng quản trị Công ty đã họp và điều chỉnh kế hoạch đầu tư xây dựng 2015. Theo đó tổng mức đầu tư năm 2015 giảm từ 1.124.226 tr.đồng xuống 880.663 tr.đồng. Kết quả thực hiện đầu tư XDCB năm 2015 là: 746.894 tr.đồng/ 880.663 tr.đồng đạt 84,81%KHĐC.

Thực hiện các công tác khác:

- Công tác thuê ngoài bóc xúc đất đá: Thực hiện theo đúng các quy định của Nhà nước và TKV: Các gói thầu đều thông qua đấu thầu rộng rãi và quá trình thực hiện đều tách riêng khu vực bóc xúc giữa các B cũng như với Công ty, quá trình các B thực hiện nếu gần đến khu vực ra than, các B đều bàn giao cho Công ty thực hiện tiếp và các B chuyển ra khu vực khác để bóc xúc đất đá.

- Công tác khoan nổ mìn: Đã triển khai, bám sát kế hoạch khai thác, bố trí diện thi công hợp lý đảm bảo năng lực cho máy khoan, đảm bảo chất lượng từng bãi nổ, chuẩn bị đủ đất cho các máy xúc hoạt động. Tuy nhiên do khai thác xuống sâu, mặt khác mưa nhiều, mặc dù đã tập trung bơm nước moong và hố nổ nhưng tỷ lệ thuốc nổ chịu nước thực hiện cao, chưa đạt yêu cầu theo kế hoạch.

- Công tác quản lý khối lượng mỏ: Được tổ chức quản lý khoa học, hợp lý, thực hiện hệ số chất tải đảm bảo. Việc quản lý khối lượng mỏ thành công mang lại lợi ích thiết thực cho người lao động, đem lại hiệu quả cho SXKD của Công ty.

- Công tác quản lý chi phí giá thành và tiết giảm chi phí: Công ty đã giao kế hoạch sản xuất chi tiết cho từng công trường phân xưởng và khoán chi phí đối với các đơn vị. Việc quản lý chi phí được Công ty đánh giá hàng tháng, quý nên đã hạn chế được bội chi trong các công đoạn sản xuất.

Thực hiện theo chỉ đạo của Tập đoàn TKV về công tác tiết giảm chi phí, Công ty đã tổ chức xem xét lại tất cả các khâu, công đoạn sản xuất từ đó đề ra nhiều biện pháp và có những điều chỉnh nhằm đảm bảo công tác tiết giảm chi phí theo yêu cầu của Tập đoàn đồng thời vẫn ổn định sản xuất cụ thể như: Điều chỉnh hệ thống các chỉ tiêu định mức kinh tế kỹ thuật; thực hiện tốt hoạt động tài chính, bảo toàn vốn trong sản xuất; tăng cường tận thu, chế biến sâu sản phẩm ngoài than; tổ chức, điều hành sản xuất hợp lý, tăng thời gian huy động thiết bị và thực hiện tăng năng suất lao động; quản lý tốt khối lượng mỏ, các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ, nâng cao tỷ lệ thu hồi than; quản lý tốt lao động và đảm bảo công tác an toàn trong sản xuất; quản lý chặt chẽ nguồn tài nguyên hiện có,....

III. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2015

➤ Doanh thu, lợi nhuận

Đơn vị tính: 1000 đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Tăng/giảm	% tăng/giảm
Doanh thu	2.252.962.376	2.537.455.636	284.493.260	126,3
Lợi nhuận sau thuế	8.901.705	(69.996.055)		

Qua số liệu cho thấy, chỉ tiêu doanh thu năm 2015 của Công ty tăng so với năm trước, do năm 2015 Công ty đã tiêu thụ hết khối lượng than tồn kho chuyển từ năm 2014 chuyển sang (Khoảng 209 nghìn tấn) nên đã tăng được doanh thu của Công ty và giải phóng được kho bãi.

➤ Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Tăng/giảm	% tăng/giảm
Tổng tài sản	1.686.356.018.510	1.825.013.645.949	138.657.627.439	8,22
- Tài sản ngắn hạn	760.337.509.972	332.230.470.278	(428.107.039.694)	(56,3)
- Tài sản dài hạn	926.018.508.538	1.492.783.175.671	566.764.667.133	61,2
Tổng nguồn vốn	1.686.356.018.510	1.825.013.645.949	138.657.627.439	8,22
- Nợ phải trả	1.454.285.659.426	1.662.939.342.116	208.653.682.690	14,3
- Vốn chủ sở hữu	232.070.359.084	162.074.303.833	(69.996.051.251)	(30,2)
Tỷ suất sinh lời				
- Tỷ suất LNST/DTT	0,39%			
- Tỷ suất LNST/Tổng tài sản	0,53%			
- Tỷ suất LNST/Vốn CSH	3,84			
- Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ	5,56			

Tổng tài sản năm nay so với năm trước tăng 138.657.627.439 đồng tương ứng 8,22% tổng tài sản năm 2014. Do trong năm 2015 Công ty đã đầu tư thêm nhiều thiết bị, công trình mới để phục vụ sản xuất, sửa chữa bảo dưỡng thiết bị.

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015	Tăng/giảm	(%) tăng/giảm
- Tổng doanh thu	2.632.633	2.537.456	(95.177)	
- Lợi nhuận trước thuế	23.217	(37.760)	(60.977)	
- Lợi nhuận sau thuế		(69.996)		

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015	Tăng/giảm	(%) tăng/giảm
- Tỷ lệ cổ tức	4-10%			
- Tỷ suất lợi nhuận/ VDL	14,51%			

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 đã thực hiện hoàn thành và vượt mức kế hoạch điều chỉnh về chỉ tiêu tổng doanh thu nhưng lợi nhuận sau thuế Công ty lỗ 69.996 triệu đồng.

3. Kế hoạch trong năm 2016.

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2016
1	Than nguyên khai	1.000 Tấn	1.500
2	Đất bóc sản xuất	1.000 m ³	19.300
-	Đất CBSX	"	18.450
-	Đất xử lý trụ sạt	"	500
-	Đất CN LĐTN Khe Chàm II	"	350
3	Than sạch	1.000 Tấn	1.068
-	Than nguyên khai	"	968
-	Than CB ĐDLT	"	100
4	Than tiêu thụ	1.000 Tấn	1.468
-	Than sạch	"	1.068
-	Than Nguyên khai	"	400
5	Hệ số bóc đất CBSX	m ³ / Tấn	12,30
6	Hệ số thu hồi than	%	88,20
7	Đầu tư xây dựng cơ bản	Triệu đồng	68.842
8	Doanh thu	Triệu đồng	2.013.281
9	Lợi nhuận	Triệu đồng	15.730
10	Lao động	Người	1.494
11	Tiền lương bình quân	đ/người-tháng	7.537
12	Cổ tức	%/năm	4 - 8

IV. BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC.

1. Báo cáo tình hình tài chính:

➤ Kết quả hoạt động kinh doanh

CHỈ TIÊU	Năm 2014	Năm 2015
Tổng doanh thu	2.252.962.375.505	2.537.455.636.018
Trong đó: Doanh thu hàng xuất khẩu		
Các khoản giảm trừ	0	0
1. Doanh thu thuần	2.250.338.731.789	2.528.281.953.087
2. Giá vốn hàng bán	2.045.563.200.721	2.447.147.078.804
3. Lợi nhuận gộp	204.775.531.068	81.134.874.283
4. Doanh thu hoạt động tài chính	117.883.218	305.766.867
5. Chi phí hoạt động tài chính	63.909.630.540	63.212.136.391
* Trong đó: Chi phí lãi vay	59.779.928.676	60.054.066.851
6. Chi phí bán hàng	2.473.603.320	6.913.465.874
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	110.658.994.399	56.940.138.263
8. Lợi nhuận thuần từ HĐKD	27.851.186.027	(45.625.099.378)
9. Thu nhập khác	2.505.760.498	8.867.916.064
10. Chi phí khác	165.171.600	1.002.388.435
11. Lợi nhuận khác	2.340.588.898	7.865.527.629
12. Tổng lợi nhuận trước thuế	30.191.774.925	(37.759.571.749)
13. Thuế TNDN phải nộp	21.290.069.920	32.236.483.502
15. Lợi nhuận sau thuế	8.901.705.005	(69.996.055.251)
16. EPS (Lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu)	400	(4.375)

➤ Bảng cân đối kế toán

TÀI SẢN	31/12/2014	31/12/2015
A – TÀI SẢN NGẮN HẠN	760.337.509.972	332.230.470.278
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	788.743.414	112.407.189
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	290.875.967.080	280.703.888.377
4. Hàng tồn kho	448.742.982.115	36.842.323.763
5. Tài sản ngắn hạn khác	19.929.817.363	14.571.850.949
B – TÀI SẢN DÀI HẠN	926.018.508.538	1.492.783.175.671
1. Các khoản phải thu dài hạn	11.650.511.438	20.716.143.953
2. Tài sản cố định	291.615.556.042	1.280.168.535.030
3. Bất động sản đầu tư	-	-

TÀI SẢN	31/12/2014	31/12/2015
4. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	17.669.298.136	14.511.228.596
5. Tài sản dài hạn khác	84.680.276.641	164.346.378.902
TỔNG TÀI SẢN	1.686.356.018.510	1.825.013.645.949
NGUỒN VỐN		
A – NỢ PHẢI TRẢ	1.454.285.659.426	1.662.939.342.116
1. Nợ ngắn hạn	731.496.411.832	676.636.497.275
2. Nợ dài hạn	722.789.247.594	986.302.844.841
B – VỐN CHỦ SỞ HỮU	232.070.359.084	162.074.303.833
1. Vốn chủ sở hữu	232.070.359.084	162.074.303.833
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	1.686.356.018.510	1.825.013.645.949

➤ **Các chỉ tiêu tài chính cơ bản**

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,06	0,49
Hệ số thanh toán nhanh	0,44	0,44
Chỉ tiêu về cơ cấu tài sản (%)		
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	45,09	18,2
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	54,91	81,8
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%)		
Nợ/Tổng tài sản	86,24	91,11
Nợ/Vốn chủ sở hữu	626,66	1026,03
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay các khoản phải thu	6,00	8,37
Vòng quay hàng tồn kho	3,21	10,08
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)		
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,39%	(2,76)
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	3,84%	(43,18)
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,53%	(3,83)
Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	1,24%	(1,8)
EPS (Lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu)	556	(4.375)

➤ **Những thay đổi về vốn cổ đông**

Vốn điều lệ đầu năm 2015: 160.000.000.000 VNĐ

Tăng vốn trong năm: 0 VNĐ

Giảm vốn trong năm: 0 VNĐ

Vốn điều lệ cuối năm 2015: 160.000.000.000 VNĐ

➤ **Tổng số cổ phiếu theo từng loại**

Cổ phiếu phổ thông: 16.000.000 cp.

Cổ phiếu ưu đãi: 0 cp.

➤ **Cổ tức chi cho các cổ đông**

Kết quả SXKD năm 2015 Công ty lỗ do vậy không có nguồn để chia cổ tức cho các cổ đông Công ty.

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả kinh doanh của Công ty thực hiện hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra trong đó: Doanh thu đạt 2.537,5 tỷ đồng tăng 46,6% so với KHĐC. Lợi nhuận trước thuế lỗ 37,76 tỷ đồng.

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

➤ **Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016.**

Doanh thu là 2.013,3 tỷ đồng giảm 20,37% so với thực hiện năm 2014.

Lợi nhuận trước thuế đạt 15,73 tỷ đồng.

➤ **Định hướng phát triển**

Tiếp tục mở rộng khai thác than theo kế hoạch xây dựng giai đoạn 2015 - 2020, quản lý chặt chẽ nguồn tài nguyên hiện có, quản lý khối lượng mỏ, các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ, nâng cao hệ số thu hồi than đảm bảo về số lượng và chất lượng phục vụ tiêu thụ theo nhu cầu thị trường.

Tiếp tục đầu tư đổi mới công nghệ hiện đại, từng bước đồng bộ hóa dây truyền công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao hiệu quả SXKD, tiết kiệm chi phí.

Tận dụng mạng lưới kinh doanh sẵn có, tranh thủ tối đa ưu thế là thành viên của Tập đoàn công nghiệp Than khoáng sản Việt Nam.

Sắp xếp thay đổi cơ cấu tổ chức, nhân sự gọn nhẹ, có năng lực và hiệu quả cao. Thực hiện công tác đào tạo lại cho CB-CNV, đặc biệt trong lĩnh vực khai thác mỏ, kỹ năng quản lý,...

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN (theo phụ lục đính kèm).

1. Công ty kiểm toán:

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam là đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2015.

2. Ý kiến của kiểm toán độc lập (Theo kết luận kiểm toán).

VI. CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN.

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của Công ty:

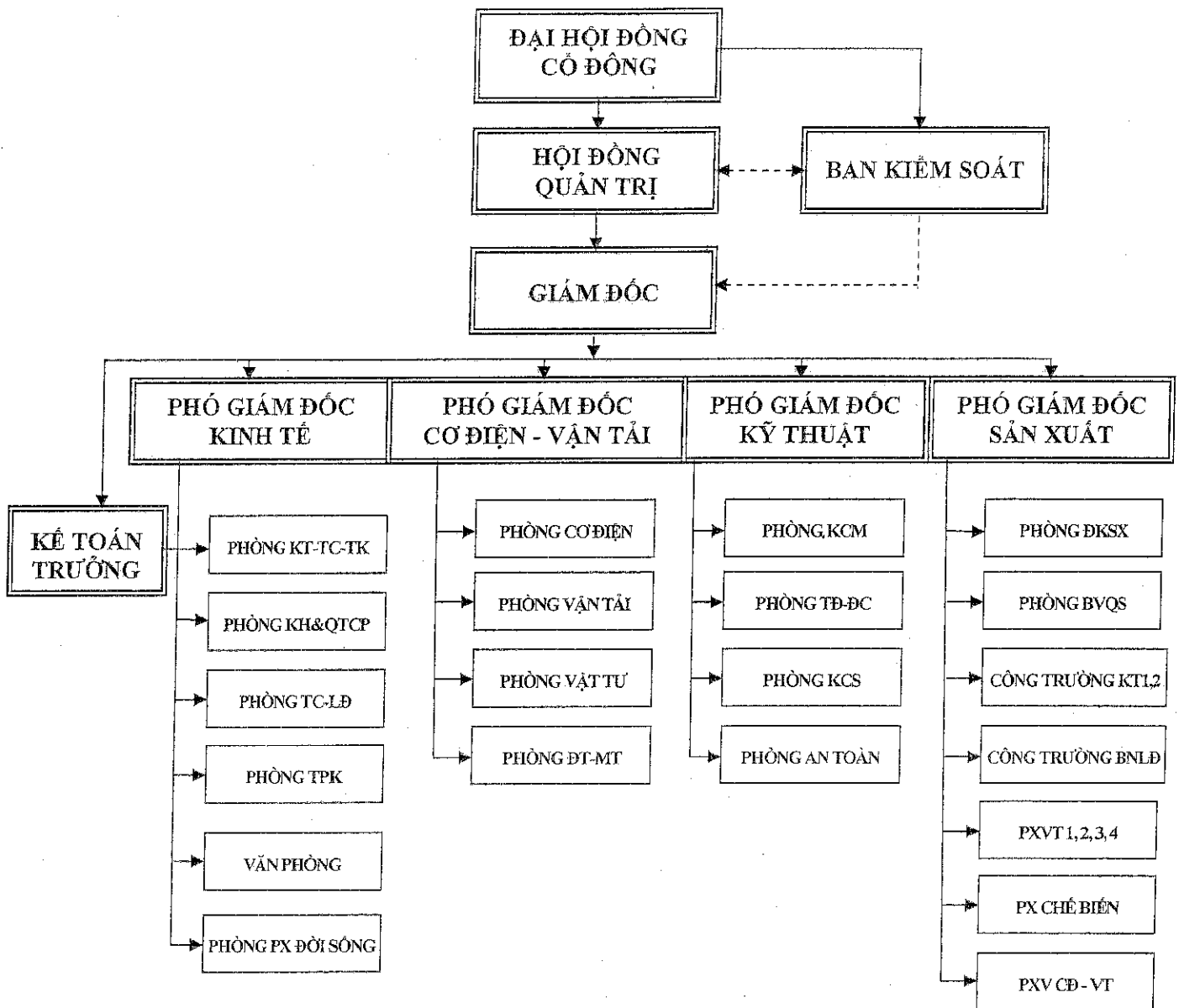
+ Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

+ Địa chỉ: 226 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội.

+ Số lượng CP nắm giữ: 10.459.404 cổ phần, chiếm tỷ lệ 65,37%.

VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ.

➤ Cơ cấu tổ chức của Công ty.



➤ Số lượng nhân viên và chính sách đối với người lao động:

- Số lượng CBCNV: 1.413 người.
- + Số cán bộ quản lý là 234 người.
- + Số công nhân phục vụ phụ trợ là 438 người.
- + Số công nhân sản xuất chính là 741 người.

- Chính sách lao động: Các chính sách đối với người lao động áp dụng theo quy định của Nhà nước, Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam. Công ty xây dựng và ban hành quy chế tiền lương, tiền thưởng trên cơ sở hao phí lao động và giãn cách thu nhập theo ngành nghề, phù hợp với trình độ chuyên môn được đào tạo làm động lực thúc đẩy tăng năng suất lao động, đồng thời khuyến khích người lao động học tập nâng cao trình độ từ đó thu hút lao động có trình độ, tay nghề.

➤ **Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:**

Thành viên Hội đồng quản trị

- Ông Hoàng Minh Hiếu . Chủ tịch HĐQT - Hoạt động độc lập, không điều hành.
- Ông Nguyễn Xuân Lập Ủy viên, GĐĐH
- Ông Nguyễn Trọng Tấn Ủy viên
- Ông Vũ Trọng Tuấn Ủy viên
- Ông Phạm Cao Nghĩa Ủy viên

Thành viên Ban kiểm soát

- Ông Phạm Xuân Vinh Trưởng Ban Kiểm soát
- Ông Nguyễn Quang Quảng Ủy viên
- Ông Nguyễn Huy Hoàng Ủy viên

➤ **Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát**

Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2015, HĐQT đã tổ chức 42 cuộc họp thường kỳ và đột xuất, ban hành 216 văn bản tuân thủ đúng pháp luật, đúng điều lệ Công ty. Các văn bản bao gồm các quyết định về lĩnh vực sản xuất, công tác đầu tư, công tác tổ chức cán bộ, công tác tuyển dụng lao động, tiền lương, tiền thưởng...được ban hành kịp thời giúp cho Giám đốc Công ty quản lý, chỉ đạo điều hành sản xuất năm 2015 đạt hiệu quả từng bước vượt qua khó khăn trong quá trình SXKD.

HĐQT duy trì nề nếp các cuộc họp thường kỳ, đảm bảo chương trình, số lượng thành viên dự họp và biểu quyết theo luật định, các cuộc họp đều mời và có sự tham gia chứng kiến của ban kiểm soát Công ty.

Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban Kiểm soát đã thực hiện đầy đủ quyền hạn và trách nhiệm của mình đã được quy định trong Điều lệ và quy chế làm việc của Ban Kiểm soát.

Thay mặt cổ đông kiểm soát các mặt quản lý điều hành hoạt động SXKD của Công ty, kiểm tra kiểm soát việc thực hiện nghị quyết Đại hội Đồng Cổ đông thường niên, các phương hướng nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị đề ra.

Tham gia các buổi họp của Hội đồng Quản trị, thông qua đó giúp cho công tác kiểm tra, kiểm soát được hiệu quả hơn.

* Tiền thù lao chi trả thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2015.

- Các thành viên HĐQT của công ty: 288.000.000 đồng.
- Các thành viên Ban kiểm soát của công ty: 156.000.000 đồng.
- Thư ký công ty: 50.400.000 đồng.
- Tổng số tiền thù lao chi trả cho HĐQT, BKS: **494.400.000 đồng.**

➤ **Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2016:**

- Thù lao của HĐQT:

- + Thù lao của Chủ tịch HĐQT: 5.400.000 đ/người/tháng.
- + Thù lao của UV HĐQT - Giám đốc: 5.200.000 đ/người/tháng.
- + Thù lao của UV HĐQT: 4.600.000 đ/người/tháng.

- Thù lao của Ban kiểm soát:

- + Thù lao của Trưởng Ban kiểm soát: 4.600.000 đ/người/tháng.
- + Thù lao của ủy viên BKS: 4.200.000 đ/người/tháng.

➤ Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT:

Tỷ lệ sở hữu cổ phần:

- Ông Hoàng Minh Hiếu	Chủ tịch HĐQT	Sở hữu: 0 cổ phần	Tỷ lệ 0%
- Ông Nguyễn Xuân Lập	UV, Giám đốc	Sở hữu: 0 cổ phần	Tỷ lệ 0%
- Ông Nguyễn Trọng Tấn	Ủy viên	Sở hữu: 30.612 cổ phần	Tỷ lệ 0,19%
- Ông Vũ Trọng Tuấn	Ủy viên	Sở hữu: 12.244 cổ phần	Tỷ lệ 0,08%
- Ông Phạm Cao Nghĩa	Ủy viên	Sở hữu: 0 cổ phần	Tỷ lệ 0%

Thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ: Không thay đổi.

➤ Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát, cổ đông lớn và các giao dịch khác: Không.

1. Các dữ liệu thống kê về cổ đông:

Cơ cấu cổ đông

TT	Thành phần sở hữu	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông nhà nước	10.459.404	65,37%
2	Cổ đông khác	5.540.596	34,63%
	Tổng số	16.000.000	100%

Tình hình nắm giữ cổ phần của các cổ đông lớn

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CP	Tỷ lệ
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	226 Lê Duẩn, Hà Nội	10.459.404	65,37%
	Tổng cộng		10.459.404	65,37%

Nơi nhận:

- UB CK Nhà nước;
- Lưu VT, VPHĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Hoàng Minh Hiếu